

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại**

Thực hiện Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, để thống nhất về nhận thức và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi những mục tiêu, định hướng đã đề ra trong công tác về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Tập trung sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các ngành và địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị để thực hiện.

Quá trình tổ chức thực hiện phải bám sát Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh đảm bảo đồng bộ, thiết thực và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

## **II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

### **1. Về phát triển hạ tầng giao thông**

- Triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn, đặc biệt là xây dựng các trục kết nối với Đường bộ cao tốc, đường Quốc lộ, đường kết nối với các Khu kinh tế, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp nhằm đảm bảo tính kết nối đồng bộ, góp phần phát triển công nghiệp hoá theo hướng hiện đại, phát huy hiệu quả khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình mới phù hợp với quy hoạch tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh trong giai đoạn tới. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án giao thông trọng điểm, công tác GPMB công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam qua địa bàn tỉnh theo kế hoạch đề ra. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương đầu tư hoàn thành các dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Hàng không Phù Cát; Đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku; nâng cấp, mở rộng các tuyến đường quốc lộ, các tuyến đường kết nối với đường cao tốc trên địa bàn tỉnh,....

- Thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển, khai thác cảng biển, cảng cạn trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch.

### **2. Về phát triển hạ tầng cung cấp điện**

- Phát triển nguồn và lưới điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho sản xuất kinh doanh và sinh hoạt, chú ý các vùng sâu, vùng xa, các khu vực trọng điểm phát triển: Khu kinh tế, khu đô thị, khu cụm công nghiệp và phát triển du lịch. Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, lưới điện thông minh trong vận hành lưới điện.

- Triển khai thực hiện Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **3. Về phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Đầu tư hạ tầng thủy lợi theo hướng liên thông và đa mục tiêu vừa bảo đảm nước tưới cho sản xuất nông nghiệp để chuyển dịch cơ cấu cây trồng, sử dụng hiệu quả giá trị đất nông nghiệp, cung cấp nước sinh hoạt cho người và gia súc, vừa có nhiệm vụ điều tiết nước và cắt lũ cho vùng đồng bằng, vừa bảo đảm nguồn nước cho các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch.

- Từng bước hoàn chỉnh, hiện đại hóa các hệ thống thủy lợi. Đầu tư các công trình tích trữ nước, đập dâng, đập ngăn mặn giữ ngọt, hệ thống dẫn nước và chuyển nước để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho từng khu vực và điều hòa phân phối nguồn nước. Ưu tiên đầu tư hệ thống thủy lợi cho các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và những vùng khó khăn, thiếu nước, vùng hải đảo.

#### **4. Về phát triển hạ tầng đô thị**

- Triển khai rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, chương trình, kế hoạch liên quan đến hạ tầng đô thị cho phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan để triển khai thực hiện. Tổ chức thực hiện Chương trình hiệu quả, đồng bộ, đảm bảo đúng lộ trình nâng loại hệ thống đô thị đã được định hướng phát triển trong Quy hoạch tỉnh.

- Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng các khu đô thị mới theo hướng hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường. Tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị trọng điểm theo hướng văn minh, hiện đại, bao gồm: giao thông, cải tạo hệ thống cấp nước, thoát nước, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường đô thị.

- Tăng cường thu hút, xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa tham gia xây dựng để hoàn thiện và nâng cao chất lượng đô thị nhất là hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và dịch vụ đô thị (cấp nước, thoát nước, thu gom xử lý nước thải, chất rắn, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân,...).

#### **5. Về phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp**

- Thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bên ngoài hàng rào, đảm bảo kết nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Tăng cường thu hút đầu tư, nâng cao tỷ lệ lấp đầy trong các khu, cụm công nghiệp.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đôn đốc các nhà đầu tư, doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án hạ tầng khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

#### **6. Phát triển hạ tầng logistics và hạ tầng dịch vụ thương mại**

Thu hút đầu tư các dự án hạ tầng thương mại hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm dịch vụ logistics theo quy hoạch; Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ đảm bảo văn minh thương mại, an toàn thực phẩm; Xây dựng chợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại thị xã An Nhơn và thị xã Hoài Nhơn. Xây dựng mới Trung tâm Hội chợ triển lãm cấp vùng tại thành phố Quy Nhơn và Trung tâm Hội chợ hàng nông lâm sản tại Hoài Nhơn nhằm tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá các sản phẩm hàng hóa của tỉnh.

#### **7. Về phát triển hạ tầng thông tin**

Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số; tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, xây dựng kinh tế số. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, Internet kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số... tạo nền tảng cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia.

## **8. Về phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ**

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục đào tạo, cơ sở trường lớp theo hướng kiên cố hóa, đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, nhất là ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Tổ chức thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 03/10/2022.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp các thiết chế khoa học và công nghệ đã và đang hoạt động hiệu quả của tỉnh như: Trung tâm Khám phá khoa học và đổi mới sáng tạo, Trung tâm Phân tích và đo lường chất lượng, Trung tâm Thông tin ứng dụng Khoa học và công nghệ, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Quan trắc môi trường,...

- Đẩy mạnh triển khai để hoàn thành Đề án phát triển Khu Đô thị Khoa học Quy Hoà; hình thành các vườn ươm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; nâng cấp Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Định thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ, thúc đẩy và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh và vùng duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên.

## **9. Về phát triển hạ tầng y tế**

- Khuyến khích đầu tư phát triển y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân; ưu tiên tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các bệnh viện (đặc biệt là các bệnh viện chuyên khoa như mắt, sản nhi, ung bướu, chỉnh hình - phục hồi chức năng,...) bố trí tại các vùng đô thị, khu công nghiệp - dịch vụ, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh. Đầu tư xây dựng, nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở; đồng thời, tạo điều kiện mở các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và các dịch vụ y tế ngoài công lập, đặc biệt là tại các vùng khó khăn nơi không có điều kiện để xây dựng các bệnh viện hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ y tế quy mô lớn.

- Tổ chức thực hiện Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh.

## **10. Về phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch**

- Quan tâm đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển thể thao tỉnh nhà. Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở vật chất văn hóa, thể thao và bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn tỉnh đặc biệt các di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia và cấp tỉnh. Ưu tiên bố trí bảo đảm quỹ đất dành cho hoạt động văn hóa và thể thao theo quy định.

- Tập trung phát triển du lịch Bình Định trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác; góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Đưa Bình Định trở thành điểm đến an toàn,

có nét đặc trưng riêng, văn minh, thân thiện và hấp dẫn. Ưu tiên đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án du lịch đã được cấp chủ trương đầu tư; tập trung thu hút đầu tư các dự án du lịch quy mô lớn, hiện đại để nâng cao chất lượng cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng phức hợp cao cấp và các dịch vụ du lịch phù hợp với định hướng phát triển du lịch của tỉnh.

### **11. Về phát triển hạ tầng nông thôn mới**

Tập trung nguồn lực thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn mới (giao thông, thủy lợi, hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai, mạng lưới y tế cơ sở, trung tâm thể thao, văn hóa, cấp nước sinh hoạt,...) gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

*(Đính kèm Phụ lục 01: Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh).*

## **III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

Để triển khai thực hiện Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu quả, đề nghị các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung triển khai thực hiện một số nhóm giải pháp chủ yếu sau đây:

### **1. Công tác tuyên truyền vận động phát triển kết cấu hạ tầng**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến sâu rộng bằng nhiều hình thức phù hợp để nâng cao nhận thức của cán bộ, Nhân dân trong tỉnh về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, là sự nghiệp chung, vừa là lợi ích, vừa là nghĩa vụ của toàn xã hội, để mọi người dân ủng hộ tham gia đóng góp và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là trong thực hiện chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng; đồng thời qua công tác tuyên truyền vận động để tạo sự đồng thuận thống nhất cao của các cấp, các ngành và Nhân dân về chủ trương đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức xã hội hóa và đối tác công tư.

### **2 Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực, nhất là cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích thu hút nguồn vốn tư nhân hóa đầu tư kết cấu hạ tầng.

- Đẩy mạnh phân cấp trong đầu tư, tăng cường tính tự chủ gắn với trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp trong việc thực hiện quản lý đầu tư vốn ngân sách Nhà nước, tạo tính chủ động cân đối nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ đầu tư kết cấu hạ

tăng kinh tế - xã hội.

- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các cơ chế, chính sách liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, rút ngắn thời gian quy trình giải tỏa đền bù; chú trọng chính sách có liên quan đến dạy nghề, tạo việc làm ổn định cho người dân sau khi bị thu hồi đất. Tăng cường học tập các mô hình, phương pháp hiệu quả trong công tác vận động, giải thích, thuyết phục, tạo sự đồng thuận của Nhân dân ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong quá trình triển khai các dự án, nhất là công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

### **3. Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng cơ bản để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư**

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và các quy hoạch có liên quan đến đầu tư kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách của tỉnh gắn với việc triển khai thực hiện mục tiêu, định hướng về phát triển xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, nhất là cơ chế, chính sách về quy hoạch, đầu tư công, xây dựng; đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thi công các công trình, dự án.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư, nhất là nâng cao chất lượng các khâu thẩm định dự án, thẩm định thiết kế - dự toán bảo đảm thời gian quy định; tập trung chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng, sớm đưa vào khai thác sử dụng và quản lý có hiệu quả.

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, các đơn vị chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư công. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển. Tăng cường công tác giám sát đầu tư, kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tham nhũng; nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách và xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức thiếu trách nhiệm, định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm. Thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình xây dựng để phát huy tính năng sử dụng, duy trì độ bền vững và bảo đảm cảnh quan môi trường.

### **4. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, nguồn lực đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng**

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho công trình, dự án quan trọng, tác động liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững và các công trình, dự án không có khả năng thu hồi vốn hoặc khó thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước; coi trọng xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu, CCN, hạ tầng dịch vụ - du lịch, văn hóa – xã hội..... Tiếp tục huy động hợp lý nguồn vốn ODA, các khoản vay ưu đãi gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đảm bảo từng bước hiện thực hóa hệ thống kết cấu hạ tầng theo quy hoạch; thực hiện có trọng tâm, trọng điểm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, nhất là các dự án phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đi trước một bước; tăng cường kết nối nội vùng, liên vùng, khu vực, thu hẹp khoảng cách vùng miền, mở rộng không gian, tạo động lực tỉnh phát triển.

- Tăng cường cải cách hành chính, tập trung thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh để huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tạo môi trường đầu tư - kinh doanh thông thoáng để khai thác tốt nhất nội lực và thu hút tối đa ngoại lực cho đầu tư phát triển, trong thời gian tới tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

- Tăng cường kêu gọi, xúc tiến đầu tư các dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư theo hướng trực tiếp mời gọi các nhà đầu tư chiến lược là các Tập đoàn lớn, các Tổng công ty hàng đầu, có uy tín để đầu tư phát triển khu cụm công nghiệp, phát triển các khu đô thị và các lĩnh vực tỉnh có lợi thế. Đồng thời, coi trọng và làm tốt công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai để tạo hiệu ứng lan tỏa, có tác động tích cực tới việc thu hút các nhà đầu tư mới.

**5. Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo đồng bộ giữa các lĩnh vực hạ tầng.** Tập trung đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án hạ tầng cấp bách, trọng điểm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão gắn với phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này (Phụ lục 2) để xây dựng Kế hoạch của ngành, địa phương và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp và đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra. Bổ sung nhiệm vụ vào kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị để thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.**

**2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hoặc đột xuất tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời, kịp thời đề xuất UBND**

tình giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền.

*(Đính kèm Phụ lục 02: Phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương, đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch)*

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương;
- UBNDTTQ, các đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CVVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**



## Phụ lục 01

**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh)

TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		Đến năm 2030	Sau 2030		
<b>I</b>	<b>GIAO THÔNG</b>				
1	Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Phù Cát	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Tây tỉnh ĐT.638	x	x	Ngân sách nhà nước	
4	Đường Điện Biên Phủ nối dài từ cây xăng dầu số 4 đến Khu đô thị Long Vân (qua Núi Vũng Chùa)	x		Ngân sách nhà nước	
5	Tuyến đường kết nối ĐT.636 qua Cầu Thị Nại 4 và QL.19B	x		Ngân sách nhà nước	
6	Tuyến đường nối từ Lê Thanh Nghị về cảng Quy Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
7	Tuyến đường kết nối đường chuyên dụng phía Tây KKT Nhơn Hội với tuyến đường ven biển Cát Tiến – Diêm Vân	x		Ngân sách nhà nước	
8	Mở rộng nút giao Đường ven biển Cát Tiến - Diêm Vân và Đường trục Khu kinh tế	x		Ngân sách nhà nước	
9	Tuyến đường kết nối QL1 với đường ĐT.639 qua huyện Phù Cát	x		Ngân sách nhà nước	
10	Đường ven biển đoạn cầu Thiện Chánh đi Quảng Ngãi	x		Ngân sách nhà nước	
11	Đường nối từ QL24 đến đường Đông Trường Sơn (tuyến kết nối An Lão – Vĩnh Thạnh – Kbang)		x	Ngân sách nhà nước	
12	Tuyến đường từ thị trấn Vân Canh đi xã Phú Mỹ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	x		Ngân sách nhà nước	
13	Tuyến tránh ĐT.629 đoạn qua An Hòa đến thị trấn An Lão (huyện An Lão)		x	Ngân sách nhà nước	
14	Sửa chữa, gia cường và thay thế các cầu yếu nhằm đảm bảo đồng bộ hóa tải trọng trên các tuyến đường tỉnh	x		Ngân sách nhà nước	
15	Nút giao thông khác mức tại khu vực ngã 5 Đống Đa – Hoa Lư	x		Ngân sách nhà nước	
16	Tuyến đường kết nối từ nội thành đến Khu đô thị khoa học và giáo dục Quy Hoà, thành phố Quy Nhơn	x	x	Ngân sách nhà nước	

17	Mở rộng tuyến Quốc lộ 19C đoạn Km26 + 600 – Km28+815 qua thị trấn Vân Canh	x		Ngân sách nhà nước	
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636, đoạn qua xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	x		Ngân sách nhà nước	
19	Tuyến đường dẫn ra cảng tổng hợp Khu kinh tế Nhơn Hội	x		Ngân sách nhà nước	
20	Nâng cấp để đảm bảo giao thông, thông suốt không bị ách tắc giao thông vào mùa mưa lũ trên tuyến đường ĐT.629	x		Ngân sách nhà nước	
21	Tuyến đường tránh Quốc lộ 1A qua thị trấn Ngô Mỹ	x		Ngân sách nhà nước	
22	Tuyến đường tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua địa bàn thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước	
23	Tuyến đường phía Đông đầm Thị Nại giai đoạn 1 (đoạn từ Hang Dơi – Hội Thành)	x		Ngân sách nhà nước	
24	Tuyến đường từ QL.19B đến đường vào Khu du lịch suối khoáng Chánh Thắng	x		Ngân sách nhà nước	
25	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường ven biển thị trấn Cát Tiến	x		Ngân sách nhà nước	
26	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường địa phương kết nối với Quốc lộ 1 trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	x	x	Ngân sách nhà nước	
27	Tuyến giao thông trục chính đô thị phía Tây QL1A kết nối đường ĐT.629 (đoạn từ thôn Chương - Hòa, xã Hoài Châu Bắc đến cầu Phú Văn phường Bồng Sơn)	x		Ngân sách nhà nước	
28	Tuyến đường kết nối từ cụm công nghiệp Hoài Hương đến QL1A (Hoài Tân)	x		Ngân sách nhà nước	
29	Đường vào CCN Bình An	x		Ngân sách nhà nước	
30	Đường Vĩnh Thạnh – Phù Cát (từ TT Vĩnh Thạnh kết nối vào ĐT.634 ở xã Cát Sơn – Phù Cát và đi về QL.1)	x	x	Ngân sách nhà nước	
31	Tuyến đường Hoài Nhơn – An Lão	x		Ngân sách nhà nước	
32	Đường trục phía đông dọc núi Phương Mai		x	Ngân sách nhà nước	
33	Tuyến đường TH 18 (từ ngã ba Tam Tượng QL1A) đến ĐT638 (Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân)	x		Ngân sách nhà nước	
34	Cảng tổng hợp Đồng Đa	x		Vốn ngoài ngân sách	
35	Khu bến Nhơn Hội	x		Vốn ngoài ngân sách	
36	Khu bến Phù Mỹ	x		Vốn ngoài ngân sách	
37	Khu bến Hoài Nhơn	x		Vốn ngoài ngân sách	
38	Cụm Cảng Tuy Phước (Cảng cạn Thị Nại, Cảng cá Quy Nhơn)			Vốn ngoài ngân sách	
<b>II</b>	<b>HẠ TẦNG CUNG CẤP ĐIỆN</b>				
1	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây 500kV, 220kV, 110kV, 22kV; các đường dây hạ thế	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Thủy điện Vĩnh Sơn 4	x		Vốn ngoài ngân sách	
3	Thủy điện hạ lưu đập dâng Phú Phong	x		Vốn ngoài ngân sách	

4	Thủy điện Sông Vó	x		Vốn ngoài ngân sách	
5	Thủy điện Vạn Hội	x		Vốn ngoài ngân sách	
6	Thủy điện Định Bình 2	x		Vốn ngoài ngân sách	
7	Thủy điện Hội Sơn	x		Vốn ngoài ngân sách	
8	Thủy điện Thuận Ninh	x		Vốn ngoài ngân sách	
9	Thủy điện Nước Trinh 2	x		Vốn ngoài ngân sách	
10	Nhà máy điện gió Vân Canh Bình Định	x		Vốn ngoài ngân sách	
11	Nhà máy điện gió Hòn Trâu	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
12	Nhà máy điện rác Long Mỹ Giai đoạn 1	x		Vốn ngoài ngân sách	
13	Nhà máy điện rác Long Mỹ Giai đoạn 2		x	Vốn ngoài ngân sách	
<b>III</b>	<b>THỦY LỢI, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>				
1	Trục tiêu, thoát lũ sông Bến Trễ	x		Ngân sách nhà nước	
2	Khắc phục khẩn cấp bờ biển thị xã Hoài Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
3	Kè cấp bách chống sạt lở bảo vệ khu dân cư trên sông Lại Giang	x		Ngân sách nhà nước	
4	Kênh tiêu thoát lũ TX5 (đoạn cầu bà Di - thị trấn Tuy Phước)	x		Ngân sách nhà nước	
5	Nâng cấp đâm Trà Ô, huyện Phù Mỹ	x	x	Ngân sách nhà nước	
6	Nâng cấp Hồ chứa nước Suối Tre - Cát Lâm	x		Ngân sách nhà nước	
7	Nâng cấp, mở rộng đê bao đồng muối huyện Phù Cát (Giai đoạn 2)	x		Ngân sách nhà nước	
8	Khắc phục khẩn cấp kè chống sạt lở đê sông La Tinh (đoạn từ cầu Vạn Thiện đến giáp nhà máy nước thuộc xã Cát Hanh và đoạn hạ lưu tràn hồ Hội Sơn thuộc xã Cát Sơn)	x		Ngân sách nhà nước	
9	Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và dịch vụ hậu cần nghề cá Tam Quan	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
10	Nhà máy nước Cát Khánh	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
11	Xây mới nhà máy nước Ngô Mỹ	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
<b>IV</b>	<b>HẠ TẦNG ĐÔ THỊ</b>				
1	Công viên phía Nam cầu Đền Gi	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Phù Mỹ	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

4	Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt phía Tây tỉnh (phục vụ cho việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt của huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và một số khu vực lân cận)	x		Ngân sách nhà nước	
5	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Long Mỹ	x		Vốn ngoài ngân sách, FDI	
6	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực phía Bắc tỉnh	x		Vốn ngoài ngân sách, FDI	
7	Xây dựng Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp thông thường và nguy hại phía Nam núi Bà công suất 2.060 tấn/ngày đêm tại huyện Phù Cát.	x		Vốn ngoài ngân sách, FDI	
8	Khu đô thị - du lịch – vui chơi giải trí biển Phù Mỹ	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
9	Khu đô thị du lịch và sân golf Tây Sơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách	
10	Khu vui chơi giải trí Night Paradise Nhơn Hội	x		Vốn ngoài ngân sách	
11	Khu dân cư, dịch vụ, thương mại (đọc bờ biển thị xã Hoài Nhơn từ phường Tam Quan Bắc đến Hoài Hương)	x		Vốn ngoài ngân sách	
12	Khu dân cư, dịch vụ, thương mại (đọc bờ Bắc sông Lại Giang, phường Hoài Xuân, thị xã Hoài Nhơn)	x		Vốn ngoài ngân sách	
13	Khu dân cư Lại Khánh, phường Hoài Đức, Hoài Nhơn	x		Vốn ngoài ngân sách	
<b>V</b>	<b>HẠ TẦNG CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP</b>				
1	Hạ tầng Khu công nghiệp Phú Tài	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Hạ tầng Khu công nghiệp Bình Nghi	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Hạ tầng Khu công nghiệp Hoài Mỹ	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Giang	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Hạ tầng Khu công nghiệp Cát Trinh	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
6	Hạ tầng Khu công nghiệp Long Mỹ (giai đoạn 2)	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
7	Hạ tầng Khu công nghiệp Phù Mỹ	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
<b>VI</b>	<b>HẠ TẦNG LOGISTICS VÀ THƯƠNG MẠI</b>				
1	Trung tâm Hội chợ triển lãm tỉnh Bình Định	x		Ngân sách nhà nước	
2	Chợ nông sản khu vực phía Bắc tại thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	x		Ngân sách nhà nước	
3	Chợ nông sản khu vực phía Nam tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	x		Ngân sách nhà nước	
4	Trung tâm đầu giá cá ngừ đại dương khu vực Đông Nam Á tại Hoài Nhơn	x	x	Ngân sách nhà nước	

5	Trung tâm Hội chợ hàng nông lâm sản tại Hoài Nhơn	x		Ngân sách nhà nước
6	Quy hoạch Trung tâm logistics Canh Vinh	x		Vốn ngoài ngân sách
7	Xây dựng Trung tâm logistics và cảng cạn tại Cát Tân, Phù Cát	x	x	Vốn ngoài ngân sách
8	Kho xăng dầu và bến cảng thủy nội địa tại phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, Bình Định	x		Vốn ngoài ngân sách
9	Kho xăng dầu Phù Mỹ	x		Vốn ngoài ngân sách
10	Kho xăng dầu An Nhơn	x		Vốn ngoài ngân sách
<b>VII</b>	<b>THÔNG TIN</b>			
1	Các dự án lĩnh vực hạ tầng viễn thông thụ động, hạ tầng IoT	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác
2	Các dự án về an toàn thông tin mạng	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác
3	Các dự án về phát triển bưu chính, mạng lưới thông tin và truyền thông	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác
4	Các dự án phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác
5	Trung tâm sản xuất phần mềm	x		Vốn ngoài ngân sách
6	Trung tâm dữ liệu (Big Data)	x		Vốn ngoài ngân sách
7	Trung tâm Chuyển đổi số và Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp vùng của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	x		Vốn ngoài ngân sách
8	Khu sản xuất, trí tuệ nhân tạo	x		Vốn ngoài ngân sách
<b>VIII</b>	<b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>			
1	Đầu tư nâng cấp Trường Cao đẳng Y tế giai đoạn 2026-2030	x		Ngân sách nhà nước
2	Trường THPT chuyên chất lượng cao	x		Ngân sách nhà nước
3	Trường THPT khu vực Diêm Vân	x		Ngân sách nhà nước
4	Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Khoa học Công nghệ vũ trụ theo chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ	x		Ngân sách nhà nước
5	Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học	x		Ngân sách nhà nước
6	Dự án trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	x	x	Ngân sách nhà nước
<b>IX</b>	<b>Y TẾ</b>			
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	x		Ngân sách nhà nước
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	x		Ngân sách nhà nước

3	Bệnh viện Mắt Bình Định	x		Ngân sách nhà nước	
4	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	x		Ngân sách nhà nước	
5	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	x		Ngân sách nhà nước	
6	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	x		Ngân sách nhà nước	
7	Trung tâm Y tế huyện An Lão	x		Ngân sách nhà nước	
8	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	x		Ngân sách nhà nước	
9	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	x		Ngân sách nhà nước	
10	Trung tâm Y tế An Nhơn – hạng mục mở rộng phần diện tích đất về phía Bắc	x		Ngân sách nhà nước	
11	Nhà máy sản xuất thuốc, hóa dược và dược phẩm	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
12	Bệnh viện đa khoa Nhơn Hội	x		Vốn ngoài ngân sách, FDI	
13	Bệnh viện Sản Nhi	x		Vốn ngoài ngân sách, FDI	
14	Bệnh viện thị trấn Cát Tiến	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
15	Bệnh viện quốc tế Long Vân	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
<b>X</b>	<b>VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>				
1	Xây dựng Đền thờ Hoàng đế Thái đức Nguyễn Nhạc	x		Ngân sách nhà nước	
2	Khu di tích quốc gia Thành Hoàng Đế	x		Ngân sách nhà nước	
3	Xây mới Khu Liên hợp thể thao tỉnh	x	x	Ngân sách nhà nước	
4	Xây mới Trung tâm võ thuật cổ truyền Bình Định	x		Ngân sách nhà nước	
5	Khu Liên hợp thể thao tỉnh - giai đoạn 1	x		Ngân sách nhà nước	
6	Trung tâm TDTT phía bắc tỉnh Bình Định	x	x	Ngân sách nhà nước	
7	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Mỹ Thành	x		Vốn ngoài ngân sách	
8	Khu di tích Thành Nội (Đền thờ Nguyễn Nhạc, đền thờ Huyện Trần Công Chúa); Đền Nam Giao và các hạng mục khác liên quan trong ngoại, nội thành	x		Ngân sách nhà nước	
<b>XI</b>	<b>Hạ tầng nông thôn mới</b>				
1	Đầu tư hạ tầng nông thôn mới cơ bản đồng bộ, hiện đại, bảo đảm kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các địa bàn trong tỉnh	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

**Ghi chú:** Danh mục và thông tin các dự án trên mang tính định hướng, tùy vào điều kiện thực tiễn có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

## Phụ lục 02

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu đề xuất/Thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU</b>				
<b>1</b>	<b>Về phát triển hạ tầng giao thông</b>				
	Tập trung đẩy nhanh tiến độ, đầu tư hoàn thiện dự án giao thông trọng điểm thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch. Phối hợp với các bộ, ngành trung ương nghiên cứu đề xuất, triển khai các dự án giao thông quan trọng, tạo động lực phát triển như: Mở rộng Cảng Hàng không Phù Cát; Đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, .... ; triển khai đầu tư hoàn thành các dự án trọng điểm theo Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan	Sở Giao thông vận tải, Ban QLDA Giao thông tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024-2025	
	Xây dựng Đề án Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Giao thông vận tải	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2025	
	Đôn đốc các địa phương liên quan đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Sở Giao thông vận tải; UBND các địa phương có liên quan	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Tiến độ thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ	
	Kêu gọi, thu hút đầu tư hạ tầng hệ thống cảng cạn, cảng biển theo quy hoạch.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Giao thông vận tải, các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
<b>2</b>	<b>Về phát triển hạ tầng cung cấp điện</b>				

	Triển khai thực hiện Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2030	
	Hướng dẫn các nhà đầu tư tiếp cận, khảo sát, thu thập số liệu và phát triển các dự án tiềm năng về thủy điện và năng lượng tái tạo	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Tổ chức triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển điện lực; thương xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện các chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển điện lực đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
<b>3</b>	<b>Về phát triển hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu</b>				
	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi đảm bảo cấp nước đa mục tiêu, tiêu thoát lũ và chủ động phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm, 5 năm theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Phối hợp với các Bộ, ngành trung ương triển khai hoàn thành các dự án do Bộ Nông nghiệp và PTNT quyết định đầu tư triển khai trên địa bàn tỉnh (Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đầm Đề Gi huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định ...)	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đảm bảo theo thời gian thực hiện từng dự án	
<b>4</b>	<b>Về phát triển hạ tầng đô thị</b>				



	Triển khai rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, chương trình, kế hoạch liên quan đến hạ tầng đô thị cho phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan để triển khai thực hiện: Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035; Chương trình phát triển đô thị Hoài Nhơn; Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận; quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn v.v... Tổ chức thực hiện Chương trình hiệu quả, đồng bộ, đảm bảo đúng lộ trình nâng loại hệ thống đô thị đã được định hướng phát triển trong Quy hoạch tỉnh	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024	
	Thực hiện công tác quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị; nghiên cứu, đề xuất triển khai các công trình hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị trên địa bàn tỉnh có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, phù hợp với nguồn lực của địa phương	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương hoàn thiện đề xuất dự án và các thủ tục cần thiết để triển khai dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn từ nguồn vốn ODA	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT tỉnh	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính và UBND các huyện, thị xã: An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn	2024 - 2025	
	Triển khai đầu tư, kêu gọi xã hội hóa đầu tư các dự án về xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
<b>5</b>	<b>Về phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp</b>				
	Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bên ngoài hàng rào, đảm bảo kết nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Chủ động phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố rà soát, đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng và nâng cao hiệu quả hoạt động các CCN, tạo điều kiện về mặt bằng sạch thuận lợi trong thu hút đầu tư, nhất là các CCN đang đầu tư dở dang	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	

	Hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục, triển khai đầu tư các khu, cụm CN mới theo quy hoạch	Sở Công Thương, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan		
<b>6</b>	<b>Về phát triển hạ tầng logistics và hạ tầng dịch vụ thương mại</b>				
	Nghiên cứu triển khai đầu tư xây dựng chợ đầu mối tại huyện Tây Sơn; xây dựng chợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại thị xã An Nhơn và thị xã Hoài Nhơn. Xây dựng mới Trung tâm hội chợ hàng nông lâm sản tại Hoài Nhơn	UBND huyện Tây Sơn và UBND thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2030	
	Thu hút đầu tư các loại hình kinh doanh thương mại trong tỉnh đa dạng, phù hợp với quá trình phát triển hội nhập kinh tế quốc tế	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics tỉnh Bình Định đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4317/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2025	
<b>7</b>	<b>Về phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông</b>				
	Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số; thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, Internet kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
<b>8</b>	<b>Về phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ</b>				
	Triển khai đầu tư, nâng cấp, sắp xếp mạng lưới trường học theo quy hoạch; lập kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục cho các trường thuộc phạm vi quản lý	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	

	Tổ chức thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2025	
	Đẩy mạnh đa dạng hoá các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
<b>9</b>	<b>Về phát triển hạ tầng y tế</b>				
	Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân dự án Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm y tế tuyến huyện	Ban QLDA Dân dụng và CN tỉnh	Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo tiến độ dự án	
	Tổ chức thực hiện Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2025	
	Xây dựng, trình UBND tỉnh Đề án thành lập Trung tâm Điều trị Ung thư tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024	
	Xây dựng chính sách Khuyến khích đầu tư phát triển y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2025	
<b>10</b>	<b>Về phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch</b>				
	Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở vật chất văn hóa, thể thao và bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn tỉnh đặc biệt các di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh.	Sở Văn hoá và Thể thao	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Quy hoạch, đầu tư Khu Liên hợp Thể thao và Trung tâm Võ thuật cổ truyền tỉnh Bình Định	Sở Văn hoá và Thể thao	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024 - 2025	
	Quy hoạch, đầu tư tu bổ và phát huy giá trị một số di tích lịch sử, công trình văn hóa tiêu biểu lớn	Sở Văn hoá và Thể thao	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024 - 2025	
	Xây dựng Đề cương chi tiết trưng bày Bảo tàng tỉnh Bình Định	Sở Văn hoá và Thể thao	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024	

	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh uỷ và Quyết định số 3806/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về "Phát triển du lịch tỉnh Bình Định trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2020 - 2025"	Sở Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2025	
	Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án,... để tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh	Sở Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2024	
	Tổ chức triển khai Đề án phát triển du lịch cộng đồng xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn; làng rau Thuận Nghĩa, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn; làng K3, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	Sở Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Đến năm 2025	
	Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, thành phố, các công ty du lịch lớn để hình thành, liên kết phát triển các tour, tuyến du lịch kết nối Bình Định với các khu, điểm du lịch trong cả nước	Sở Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
11	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Chương trình, Kế hoạch, Đề án... theo quy định của Trung ương để hỗ trợ các xã, huyện thực hiện đầu tư đồng bộ hạ tầng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị liên quan	sau khi Trung ương ban hành Chính sách	
II	<b>CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU</b>				
1	<b>Công tác tuyên truyền vận động phát triển kết cấu hạ tầng</b>				
	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tạo sự đồng thuận thống nhất cao của các cấp, các ngành và Nhân dân về chủ trương đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức xã hội hóa và đối tác công tư của tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Triển khai thường xuyên
2	<b>Giải pháp về cơ chế chính sách</b>				

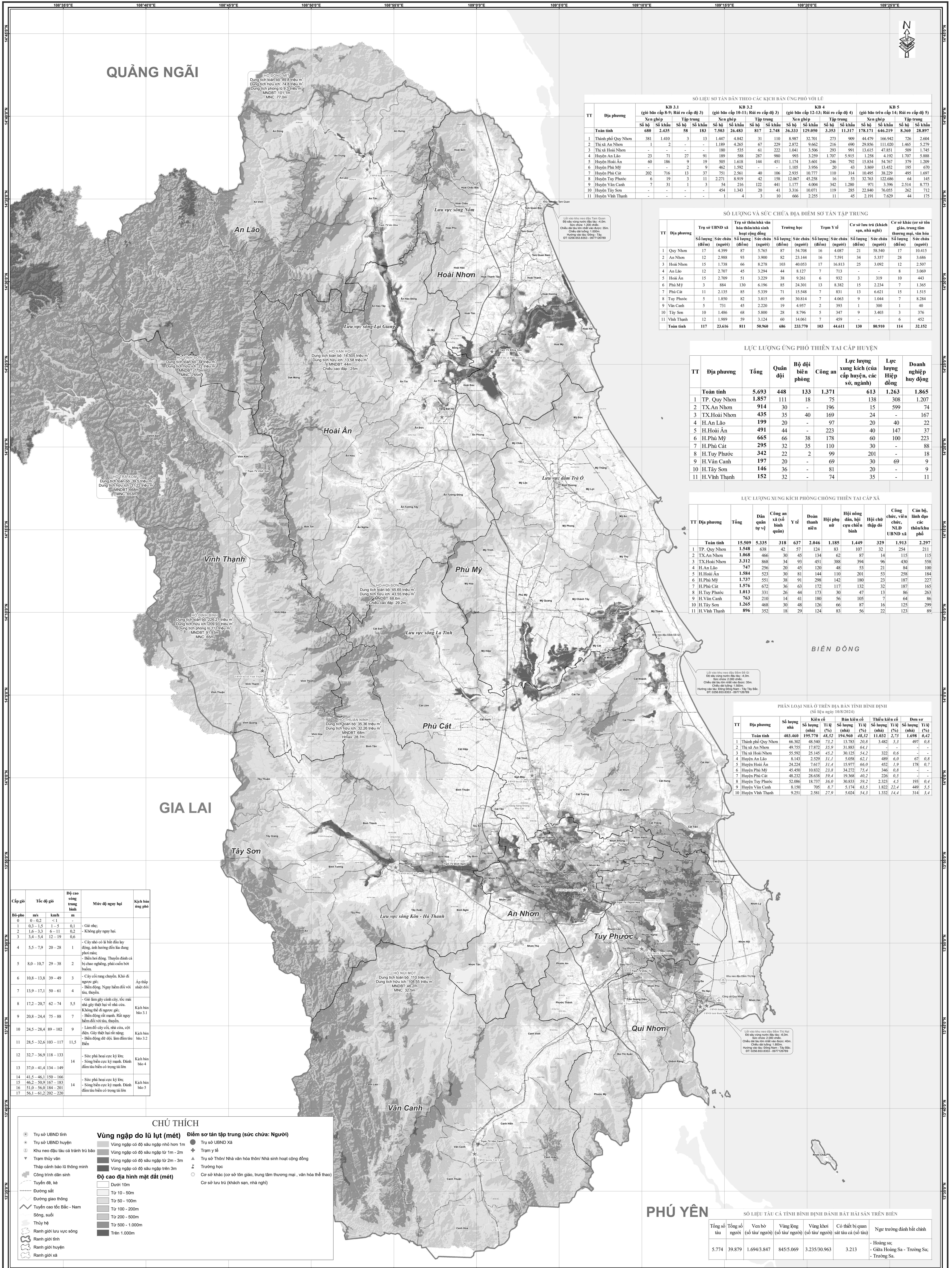
	Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực, nhất là cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích thu hút nguồn vốn tư nhân hóa đầu tư kết cấu hạ tầng; phân cấp trong đầu tư; về bồi thường, GPMB; v.v...	Các Sở, ngành và UBND các địa phương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Triển khai từ năm 2024 và rà soát thực hiện thường xuyên hàng năm	
<b>3</b>	<b>Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng cơ bản để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư</b>				
	Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và các quy hoạch có liên quan đến đầu tư kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương theo lĩnh vực, địa bàn quản lý	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Tham mưu ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2024	
	Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh có liên quan đến quy hoạch, đầu tư công, xây dựng; đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thi công các công trình, dự án	Các sở, ban, ngành và địa phương theo lĩnh vực, địa bàn quản lý	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư, nhất là nâng cao chất lượng các khâu thẩm định dự án, thẩm định thiết kế - dự toán bảo đảm thời gian quy định; tập trung chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng, sớm đưa vào khai thác sử dụng và quản lý có hiệu quả	Sở Xây dựng; các Sở chuyên ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
<b>4</b>	<b>Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư, nguồn lực đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng</b>				
	Ưu tiên phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho công trình, dự án quan trọng, tác động liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững và các công trình, dự án không có khả năng thu hồi vốn hoặc khó thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	

	Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đảm bảo từng bước hiện thực hóa hệ thống kết cấu hạ tầng theo quy hoạch; thực hiện có trọng tâm, trọng điểm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, nhất là các dự án phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, kết nối vùng, liên vùng, mở rộng không gian phát triển, tạo động lực tinh phát triển	Sở Kế hoạch và Đầu tư			
	Tăng cường kêu gọi, xúc tiến đầu tư các dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư theo hướng trực tiếp mời gọi các nhà đầu tư chiến lược là các Tập đoàn lớn, các Tổng công ty hàng đầu, có uy tín để đầu tư phát triển khu cụm công nghiệp, phát triển các khu đô thị và các lĩnh vực tinh có lợi thế. Đồng thời, coi trọng và làm tốt công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai để tạo hiệu ứng lan tỏa, có tác động tích cực tới việc thu hút các nhà đầu tư mới	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý khu kinh tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
	Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát để đơn giản hóa về thủ tục, giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
<b>5</b>	<b>Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội</b>				
-	Tập trung đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án hạ tầng cấp bách, trọng điểm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão gắn với phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Các Chủ đầu tư được UBND tỉnh giao nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Từ năm 2024 và các năm tiếp theo	





# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI CÁC CẤP ĐỘ RỦI RO DO BÃO TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2024



### QUẢNG NGÃI

HỒ ĐÔNG MI  
Dung tích toàn bộ: 98,9 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích hữu ích: 74,8 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích phòng lũ: 9,3 triệu m<sup>3</sup>  
MNDBT: 101,1m  
MNC: 77,0m

HỒ VINH SƠN  
Dung tích toàn bộ: 33,9 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích hữu ích: 13,58 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích phòng lũ: 1,22 triệu m<sup>3</sup>  
MNDBT: 77,5m  
MNC: 75,5m

HỒ BẮC SƠN  
Dung tích toàn bộ: 39,5 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích hữu ích: 13,22 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích phòng lũ: 1,12 triệu m<sup>3</sup>  
MNDBT: 66,6m  
MNC: 65,5m

HỒ HOÀI SƠN  
Dung tích toàn bộ: 45,65 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích hữu ích: 43,55 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích phòng lũ: 1,12 triệu m<sup>3</sup>  
MNDBT: 68,6m  
MNC: 29,7m

HỒ THUAN NHINH  
Dung tích toàn bộ: 35,36 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích hữu ích: 32,26 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích phòng lũ: 1,12 triệu m<sup>3</sup>  
MNDBT: 68,7m  
MNC: 29,7m

HỒ NÚI MỘT  
Dung tích toàn bộ: 110 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích hữu ích: 108,25 triệu m<sup>3</sup>  
Dung tích phòng lũ: 1,75 triệu m<sup>3</sup>  
MNDBT: 65,2m  
MNC: 32,5m

SỐ LIỆU SƠ TÁN DẪN THEO CÁC KỊCH BẢN ỨNG PHÓ VỚI LŨ

TT	Địa phương	KB 3.1 (gió bão cấp 8-9; Rủi ro cấp 3)			KB 3.2 (gió bão cấp 10-11; Rủi ro cấp 4)			KB 4 (gió bão cấp 12-13; Rủi ro cấp 4)			KB 5 (gió bão trên cấp 14; Rủi ro cấp 5)						
		Xen ghép	Số hộ	Số người	Xen ghép	Số hộ	Số người	Xen ghép	Số hộ	Số người	Xen ghép	Số hộ	Số người				
Toàn tỉnh		609	2.415	58	183	7.503	26.483	817	2.748	36.333	129.850	3.253	11.317	178.171	646.219	8.300	28.997
1	Thành phố Quy Nhơn	381	1.410	3	13	1.447	4.842	31	110	8.987	32.701	273	909	44.479	166.942	726	2.604
2	Thị xã An Nhơn	1	2	-	-	1.189	4.265	67	229	2.872	9.662	216	690	29.856	111.020	1.465	5.279
3	Thị xã Hoài Nhơn	-	-	-	-	180	535	61	222	1.041	3.506	293	991	13.615	47.851	509	1.745
4	Huyện An Lão	23	71	27	91	189	588	287	980	993	3.259	1.707	5.915	1.238	4.192	1.707	5.888
5	Huyện Hoài Ân	60	186	9	19	505	1.618	144	451	1.174	3.601	246	792	15.834	54.767	379	1.209
6	Huyện Phù Mỹ	-	-	2	9	462	1.922	-	-	1.165	3.956	20	43	3.809	13.425	195	670
7	Huyện Phù Cát	202	716	13	37	751	2.561	40	106	2.935	10.777	110	314	10.495	38.229	495	1.697
8	Huyện Tuy Phước	6	19	3	11	2.271	8.919	42	158	12.067	45.258	16	53	32.763	122.686	64	145
9	Huyện Văn Canh	7	31	1	3	54	216	122	441	1.177	4.004	342	1.280	971	3.396	2.514	8.773
10	Huyện Tây Sơn	-	-	-	-	454	1.343	20	41	3.316	10.071	119	285	22.840	76.055	262	712
11	Huyện Vĩnh Thạnh	-	-	-	-	1	4	3	10	666	2.355	11	45	2.191	7.629	44	175

SỐ LƯỢNG VÀ SỨC CHỨA ỨNG PHÓ TẬP TỤ TRUNG

TT	Địa phương	Trụ sở UBND xã	Sức chứa (người)		Sức chứa (người)		Trạm y tế	Cơ sở lưu trú (khách sạn, nhà nghỉ)	Cơ sở khác (cơ sở tôn giáo, trung tâm thương mại, sân vận động)				
			Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)	Số lượng (điểm)	Sức chứa (người)							
1	Quy Nhơn	17	4.399	87	5.765	87	54.708	16	4.087	21	58.540	17	10.415
2	An Nhơn	12	2.988	93	3.900	92	23.144	16	7.501	34	5.357	28	3.686
3	Hoài Nhơn	15	1.738	66	8.278	103	40.053	17	16.813	25	3.992	12	2.507
4	An Lão	12	2.707	45	3.294	44	8.127	7	713	-	-	-	3.069
5	Hoài Ân	15	2.709	51	3.229	38	9.261	6	932	3	319	10	443
6	Phù Mỹ	3	884	130	6.196	85	24.301	13	8.382	15	2.234	7	1.365
7	Phù Cát	11	2.135	85	5.339	71	15.548	7	831	13	6.621	15	1.515
8	Tuy Phước	5	1.850	82	3.815	69	30.814	7	4.063	9	1.044	7	8.284
9	Văn Canh	5	731	45	2.220	19	4.957	2	393	1	300	1	40
10	Tây Sơn	10	1.486	68	5.800	28	8.796	5	347	9	3.403	3	376
11	Vĩnh Thạnh	12	1.989	59	3.124	60	14.061	7	459	-	-	6	452
Toàn tỉnh		117	23.616	811	50.960	686	233.770	103	44.611	130	80.910	114	32.152

LỰC LƯỢNG ỨNG PHÓ THIÊN TẠI CẤP HUYỆN

TT	Địa phương	Tổng	Quân đội	Bộ đội biên phòng	Công an	Lực lượng xung kích (của cấp huyện, các sở, ngành)	Lực lượng Hiệp đồng	Doanh nghiệp huy động
Toàn tỉnh		5.693	448	133	1.371	613	1.263	1.865
1	TP. Quy Nhơn	1.857	111	18	75	138	308	1.207
2	TX. An Nhơn	914	30	-	196	15	599	74
3	TX. Hoài Nhơn	435	35	40	169	24	-	167
4	H. An Lão	199	20	-	97	20	40	22
5	H. Hoài Ân	491	44	-	223	40	147	37
6	H. Phù Mỹ	665	66	38	178	60	100	223
7	H. Phù Cát	295	32	35	110	30	-	88
8	H. Tuy Phước	342	22	2	99	201	-	18
9	H. Văn Canh	197	20	-	69	30	69	9
10	H. Tây Sơn	146	36	-	81	20	-	9
11	H. Vĩnh Thạnh	152	32	-	74	35	-	11

LỰC LƯỢNG XUNG KÍCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TẠI CẤP XÃ

TT	Địa phương	Tổng	Đàn quân xã (tổ bình quân)	Công an xã (tổ bình quân)	Y tế	Đoàn thanh niên	Hội phụ nữ	Hội nông dân, hội cựu chiến binh	Hội chữ thập đỏ	Công chức, viên chức, NLD UBND xã	Cán bộ, lãnh đạo các thôn/khu phố
Toàn tỉnh		15.509	5.335	318	637	2.046	1.185	1.449	329	1.913	2.297
1	TP. Quy Nhơn	1.548	638	42	57	124	83	107	32	254	211
2	TX. An Nhơn	1.068	466	30	45	134	62	87	14	115	115
3	TX. Hoài Nhơn	3.312	868	34	93	451	388	394	96	430	558
4	H. An Lão	747	256	20	45	120	48	53	21	84	100
5	H. Hoài Ân	1.584	523	30	81	144	110	201	53	258	184
6	H. Phù Mỹ	1.737	551	38	91	298	142	180	23	187	227
7	H. Phù Cát	1.576	672	36	63	172	117	132	32	187	165
8	H. Tuy Phước	1.013	331	26	44	173	30	47	13	86	263
9	H. Văn Canh	763	210	14	41	180	56	105	7	64	86
10	H. Tây Sơn	1.265	468	30	48	126	66	87	16	125	299
11	H. Vĩnh Thạnh	396	352	18	29	124	83	56	22	123	89

PHÂN LOẠI NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH (Số liệu ngày 10/8/2024)

TT	Địa phương	Số lượng	Kiến cơ (nhà)	Ti lệ (%)	Bán kiên cơ (nhà)	Ti lệ (%)	Thiếu kiên cơ (nhà)	Ti lệ (%)	Đơn sơ (nhà)	Ti lệ (%)
Toàn tỉnh		403.460	195.770	48,52	194.960	48,22	11.032	2,75	1.698	0,42
1	Thành phố Quy Nhơn	66.302	48.540	73,2	13.783	20,8	3.482	5,3	497	0,8
2	Thị xã An Nhơn	49.755	17.872	35,9	31.883	64,1	-	-	-	-
3	Thị xã Hoài Nhơn	55.592	25.145	45,2	30.125	54,2	322	0,6	-	-
4	Huyện An Lão	8.143	2.529	31,2	5.088	62,1	489	6,0	67	0,8
5	Huyện Hoài Ân	24.224	7.617	31,4	15.977	66,0	452	1,9	178	0,7
6	Huyện Phù Mỹ	45.450	10.832	23,8	34.272	75,4	346	0,8	-	-
7	Huyện Phù Cát	48.232	28.638	59,4	19.368	40,2	226	0,5	-	-
8	Huyện Tuy Phước	52.086	18.737	36,0	30.833	59,2	2.323	4,5	193	0,4
9	Huyện Văn Canh	8.150	705	8,7	5.174	63,5	1.822	22,4	449	5,5
10	Huyện Vĩnh Thạnh	9.251	2.581	27,9	5.024	54,3	1.332	14,4	314	3,4

Cấp gió

Tốc độ gió	Độ cao trung bình	Mức độ nguy hại	Kịch bản ứng phó
0 - 0,2	< 1	-	-
1	0,3 - 1,5	1 - 5	0,1
2	1,6 - 3,3	6 - 11	0,2
3	3,4 - 5,4	12 - 19	0,6
4	5,5 - 7,9	20 - 28	1
5	8,0 - 10,7	29 - 38	2
6	10,8 - 13,8	39 - 49	3
7	13,9 - 17,1	50 - 61	4
8	17,2 - 20,7	62 - 74	5,5
9	20,8 - 24,4	75 - 88	7
10	24,5 - 28,4	89 - 102	9
11	28,5 - 32,6	103 - 117	11,5
12	32,7 - 36,9	118 - 133	14
13	37,0 - 41,4	134 - 149	17
14	41,5 - 46,1	150 - 166	19
15	46,2 - 50,9	167 - 183	23
16	51,0 - 56,0	184 - 201	27
17	56,1 - 61,2	202 - 220	32

**CHÚ THÍCH**

- Trụ sở UBND tỉnh
- Trụ sở UBND huyện
- Khu neo đậu tàu cá tránh trú bão
- Trạm thủy văn
- Tháp cảnh báo lũ thông minh
- Công trình dân sinh
- Tuyến đê, kè
- Đường sắt
- Đường giao thông
- Tuyến cao tốc Bắc - Nam
- Sông, suối
- Thủy hệ
- Ranh giới lưu vực sông
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã

**Vùng ngập do lũ lụt (mét)**

- Vùng ngập có độ sâu ngập nhỏ hơn 1m
- Vùng ngập có độ sâu ngập từ 1m - 2m
- Vùng ngập có độ sâu ngập từ 2m - 3m
- Vùng ngập có độ sâu ngập trên 3m

**Độ cao hình mặt đất (mét)**

- Dưới 10m
- Từ 10 - 50m
- Từ 50 - 100m
- Từ 100 - 200m
- Từ 200 - 500m
- Từ 500 - 1.000m
- Trên 1.000m

**Điểm sơ tán tập trung (sức chứa: Người)**

- Trụ sở UBND Xã
- Trạm y tế
- Trụ sở Thôn/ Nhà văn hóa thôn/ Nhà sinh hoạt cộng đồng
- Trường học
- Cơ sở khác (cơ sở tôn giáo, trung tâm thương mại, văn hóa thể thao)
- Cơ sở lưu trú (khách sạn, nhà nghỉ)

SỐ LIỆU TÀU CÁ TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐÁNH BẮT HẠI SẢN TRÊN BIỂN

Tổng số tàu	Tổng số người	Ven bờ (số tàu/người)	Vùng lộng (số tàu/người)	Vùng khơi (số tàu/người)	Có thiết bị quan sát tàu cá (số tàu)	Ngư trường đánh bắt chính
5.774	39.879	1.694/3.847	845/5.069	3.235/30.963	3.213	- Hoàng Sa; - Giữa Hoàng Sa - Trường Sa; - Trường Sa.